

## QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ Trường Đại học;

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành văn bản hợp nhất Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐTr, ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo đại học,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Thủ Dầu Một.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các quyết định số 890 ngày 4/8/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và quyết định

số 891 ngày 4/8/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ thường xuyên trước đây.

**Điều 3.** Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm, Viện, Giám đốc chương trình và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- CTHĐTư; các PHT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT; ĐTĐH.



**K. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

*TS. Ngô Hồng Diệp*

## QUY CHẾ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 127/QĐ-ĐHTDM ngày 10 tháng 10 năm 2019 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

### Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về đào tạo bậc đại học tại Trường Đại học Thủ Dầu Một, bao gồm: chương trình đào tạo; tổ chức và quản lý đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.

Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị và cá nhân tham gia vào quá trình đào tạo bậc đại học (chính quy, thường xuyên) tại Trường Đại học Thủ Dầu Một.

#### Điều 2. Phân cấp tổ chức và quản lý đào tạo

##### 1. Cấp trường

Chỉ đạo và điều hành thống nhất công tác tổ chức và quản lý đào tạo theo cơ chế mở, liên thông, liên kết và hợp tác giữa các đơn vị đào tạo.

Điều phối sử dụng các nguồn lực chung (nhân lực, cơ sở vật chất - kỹ thuật) phục vụ đào tạo.

Quản lý toàn diện công tác tổ chức và quản lý đào tạo của các Khoa, Trung tâm, Chương trình đào tạo.

##### 2. Đơn vị đào tạo

Khoa, Trung tâm, Chương trình đào tạo tổ chức và quản lý đào tạo các ngành học, học phần đã được Trường giao nhiệm vụ; công nhận kết quả học tập của sinh viên; xây dựng học liệu dùng chung.

Xây dựng những chương trình đào tạo mới, chú trọng tính liên thông, liên ngành trình Hiệu trưởng xem xét quyết định ban hành và giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo.

#### Điều 3. Nguyên tắc đảm bảo chất lượng và hiệu quả giáo dục

1. Nội dung đào tạo, phương pháp dạy - học, kiểm tra đánh giá và phương thức quản lý phải phù hợp và hướng tới chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

2. Phát triển các chương trình đào tạo mới, có tính liên thông, liên ngành, xuyên ngành, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

3. Gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, tăng cường hoạt động thực hành, thực tập, thực tế.

4. Nhà trường đầu tư các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục.

5. Đảm bảo chương trình đáp ứng chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục.

#### Điều 4. Hình thức dạy học, tín chỉ học tập

##### 1. Hình thức dạy học

Quá trình đào tạo được thực hiện theo quy trình sau: (1) dạy học lý thuyết; (2) dạy học trên mô hình, mô phỏng; (3) bài tập thực tế; (4) bài tập thực nghiệm. Trong đó:

*1.1. Giờ lý thuyết:* sinh viên học tập trên lớp qua bài giảng trực tiếp của giảng viên tại lớp học (có sự hỗ trợ của hệ thống elearning).

*1.2. Giờ thực hành:* sinh viên học tập qua thực hành, thực tập, làm thí nghiệm, làm bài tập, thảo luận; qua mô hình, mô phỏng; qua bài tập tình huống trên các thiết bị điển hình; thực hành thực tập trên hoạt động thực tiễn.

*1.3. Giờ tự học:* sinh viên tự học tập và nghiên cứu theo kế hoạch và nội dung do giảng viên giao, có sự tương tác giữa sinh viên với giảng viên thông qua hệ thống hỗ trợ quản lý nội dung học tập (LMS - Learning Management System) và được kiểm tra đánh giá theo kế hoạch trong đề cương chi tiết.

## 2. Tín chỉ

Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 giờ học lý thuyết; 30 - 45 giờ thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị của cá nhân.

Một giờ học được tính bằng 50 phút.

## **Điều 5. Học phần**

### 1. Học phần

Học phần là môn học có khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Mỗi học phần có khối lượng từ 1 đến 4 tín chỉ. Một học phần phải được bố trí giảng dạy trải đều và gói gọn trong một học kỳ.

Kiến thức trong mỗi học phần được thiết kế theo đặc thù của học phần. Mỗi học phần có tên gọi riêng, thể hiện được nội hàm của kiến thức. Tên gọi học phần mang tính phổ biến, ngắn gọn, dễ hiểu và được ký hiệu bằng một mã riêng, do trường quy định.

Khóa luận, đồ án, báo cáo tốt nghiệp là học phần đặc biệt, có khối lượng kiến thức tương đương 5 tín chỉ đối với trình độ cử nhân và 7 tín chỉ đối với trình độ kỹ sư, kiến trúc sư.

### 2. Các loại học phần

*Học phần bắt buộc:* là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

*Học phần tự chọn:* là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

*Học phần điều kiện:* là các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh. Kết quả đánh giá các học phần điều kiện không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy, nhưng là điều kiện để xét tốt nghiệp.

*Học phần tiên quyết:* là học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy trước khi học học phần tiếp theo.

### 3. Đề cương chi tiết học phần

Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

Đề cương chi tiết học phần do giảng viên biên soạn dựa trên chuẩn đầu ra của học phần, được thông qua chương trình, do Giám đốc chương trình chịu trách nhiệm, Trường khoa giám sát. Đề cương chi tiết được giảng viên cung cấp cho người học trước khi giảng dạy. Đề cương chi tiết được biên soạn theo mẫu của Nhà trường quy định.

### 4. Ngân hàng câu hỏi của học phần

Mỗi học phần có ngân hàng câu hỏi do Chương trình đào tạo quản lý học phần tổ chức biên soạn và thẩm định, được Nhà trường cho phép sử dụng để lựa chọn làm đề kiểm tra, đánh giá.

Phòng Đảm bảo chất lượng quy định cụ thể việc xây dựng ngân hàng câu hỏi của học phần.

### **Điều 6. Học phí**

Sinh viên theo học bất kỳ ngành học nào đều phải trả học phí (trừ sinh viên thuộc đối tượng không phải đóng học phí hoặc được miễn giảm theo quy định hiện hành của Nhà nước).

Sinh viên trả học phí theo số tín chỉ đăng ký học trong mỗi học kỳ theo quy định của Nhà trường.

Phòng Kế hoạch - Tài chính quy định cụ thể và công bố cho sinh viên biết cách thức thu, nộp học phí.

Phòng Công tác Sinh viên công bố cho sinh viên biết cách thức xét miễn giảm học phí.

### **Điều 7. Tuyển sinh**

#### 1. Chỉ tiêu tuyển sinh

Hàng năm, căn cứ vào các điều kiện đảm bảo chất lượng, nhu cầu xã hội và tình hình sinh viên có việc làm đúng chuyên môn sau tốt nghiệp, Trung tâm Tuyển sinh phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh cho từng ngành học, từng hình thức đào tạo với chương trình đào tạo tương ứng của năm học tiếp theo để tham mưu cho Lãnh đạo Trường trình Ủy ban nhân dân Tỉnh.

Sau khi xây dựng báo cáo xác định chỉ tiêu tuyển sinh, các Khoa và Chương trình đào tạo mới được tổ chức tuyển sinh, tổ chức đào tạo.

#### 2. Tổ chức thi và tuyển sinh

Căn cứ quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng ban hành Kế hoạch tuyển sinh cho từng năm.

## **Chương II: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **Điều 8. Chương trình đào tạo**

1. Chương trình đào tạo cần thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch

đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.

2. Mỗi Chương trình đào tạo gắn với một vài ngành (kiểu song ngành, kiểu ngành chính - ngành phụ, kiểu 2 văn bằng) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục giai đoạn 1: học chung các học phần cơ sở, liên ngành, xuyên ngành và giai đoạn 2: học các học phần chuyên ngành.

Một ngành học có một hoặc nhiều chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra tương ứng.

Các loại chương trình đào tạo:

Chương trình đào tạo chính quy

Chương trình đào tạo thường xuyên: gồm văn bằng 2, vừa làm vừa học và liên thông.

### **Điều 9. Hình thức đào tạo**

Đào tạo chính quy được tổ chức đào tạo tập trung liên tục trong toàn khóa học và áp dụng cho các chương trình đào tạo chính quy.

Đào tạo thường xuyên được tổ chức đào tạo không tập trung trong toàn khóa học và áp dụng cho các chương trình đào tạo vừa làm vừa học, liên thông, văn bằng 2.

### **Điều 10. Cấu trúc chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo được sắp xếp theo các khối kiến thức:

Khối kiến thức chung được tổ chức giảng dạy thống nhất cho tất cả các ngành học trong toàn trường;

Khối kiến thức theo lĩnh vực được tổ chức giảng dạy thống nhất cho các ngành học thuộc cùng lĩnh vực;

Khối kiến thức theo nhóm ngành được tổ chức giảng dạy cho các ngành học thuộc cùng nhóm ngành;

Khối kiến thức chuyên ngành được tổ chức giảng dạy cho một ngành học.

### **Điều 11. Nguyên tắc xây dựng ngành học mới**

Đơn vị đào tạo xây dựng đề án mở ngành học mới theo nguyên tắc:

1. Có nhu cầu xã hội cao, được chứng minh qua điều tra khảo sát tại các cơ sở sử dụng người học sau tốt nghiệp.

2. Phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn và gắn liền với chiến lược phát triển của Trường Đại học Thủ Dầu Một.

3. Phát huy hiệu quả hợp tác quốc tế.

4. Đối sánh với chương trình tiên tiến trong và ngoài nước, hướng đến kiểm định chất lượng giáo dục.

### **Điều 12. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

1. Chuẩn đầu ra là yêu cầu bắt buộc khi xây dựng chương trình đào tạo.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đảm bảo về:

Chuẩn về kiến thức.

Chuẩn về kỹ năng nghề nghiệp.

Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.

Chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ, Tin học, Kỹ năng xã hội và khởi nghiệp: theo Quy định chuẩn đầu ra hiện hành của Trường Đại học Thủ Dầu Một.

### **Điều 13. Thiết kế chương trình đào tạo**

### 1. Nguyên tắc

Chương trình đào tạo được thiết kế hướng tới đạt chuẩn đầu ra và tiến hành theo quy trình:

Hình thành mục tiêu, điều tra nhu cầu và xây dựng chuẩn đầu ra.

Thiết kế chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra.

Tổ chức đào tạo, điều chỉnh và hoàn thiện chương trình đào tạo.

Mỗi năm có sự cập nhật bổ sung một số học phần theo yêu cầu của xã hội.

### 2. Chương trình đảm bảo tính hội nhập quốc tế

Học phần này giúp sinh viên được trải nghiệm, mở mang kiến thức và từng bước hòa nhập với môi trường học tập quốc tế. Đồng thời nhằm tăng cường tính thực hành, thực tế cho sinh viên trong quá trình tiếp cận nghề nghiệp.

Chương trình đào tạo phải có ít nhất 01 học phần du học ngắn hạn ở nước ngoài, với khối lượng từ 1- 3 tín chỉ, tương đương 1 tuần - 1 tháng/ học phần.

### 3. Thiết kế chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo chuẩn được thiết kế 120 tín chỉ đối với đào tạo cử nhân, 150 tín chỉ đối với đào tạo kỹ sư, kiến trúc sư; đảm bảo tiêu chí: 40 - 50% tín chỉ thực hành/ tổng số tín chỉ của chương trình.

Chương trình đào tạo chất lượng cao được thiết kế nhiều hơn chương trình đào tạo chuẩn tương ứng ít nhất là 15 tín chỉ, trên cơ sở nâng cao, bổ sung một số học phần, có tham khảo chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài.

Chương trình đào tạo chuẩn quốc tế được thiết kế nhiều hơn chương trình đào tạo chuẩn tương ứng ít nhất là 15 tín chỉ, trên cơ sở chương trình đào tạo của một trường đại học tiên tiến có uy tín trên thế giới đã được điều chỉnh phù hợp với các quy định của trường Đại học Thủ Dầu Một.

Quy chế này không quy định việc thiết kế chương trình đào tạo liên kết quốc tế do đối tác nước ngoài cấp bằng.

Chương trình thiết kế theo hai giai đoạn:

*Giai đoạn 1:* Chương trình thiết kế không quá 50% trên tổng số tín chỉ. Giai đoạn 1 sinh viên sẽ được trang bị kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, phương pháp học tập khối kiến thức nền tảng của khối ngành với tính chất liên ngành, xuyên ngành.

*Giai đoạn 2:* đào tạo chuyên ngành sinh viên chọn sau khi hoàn tất giai đoạn 1 để cấp bằng theo quy định.

Các chương trình thiết kế phải đáp ứng chuẩn đầu ra, đảm bảo các tiêu chuẩn đề hướng đến kiểm định, có đối sánh với chương trình tiên tiến trong và ngoài nước (ít nhất 2 chương trình ngoài nước, 2 chương trình trong nước), có Bản mô tả chương trình, có Danh mục các học phần thay thế. Quá trình đào tạo được thực hiện theo quy trình: (1) dạy học lý thuyết; (2) dạy học trên mô hình, mô phỏng; (3) bài tập thực tế; (4) bài tập thực nghiệm.

| Loại hình đào tạo               | Cử nhân     | Kỹ sư, Kiến trúc sư | Ghi chú                                                |
|---------------------------------|-------------|---------------------|--------------------------------------------------------|
| Đại học chính quy               | 120 tín chỉ | 150 tín chỉ         | - Hệ thường xuyên miễn giáo dục quốc phòng và giáo dục |
| Liên thông cao đẳng lên đại học | 70 tín chỉ  | 90 tín chỉ          |                                                        |

|                                  |             |             |                                                                                                                                       |
|----------------------------------|-------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Liên thông trung cấp lên đại học | 80 tín chỉ  | 100 tín chỉ | thể chất<br>- Văn bằng 2 miễn chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ<br>- Học cùng lúc hai chương trình được miễn những học phần tương đương |
| Đại học văn bằng 2               | 70 tín chỉ  | 90 tín chỉ  |                                                                                                                                       |
| Đại học vừa làm vừa học          | 120 tín chỉ | 150 tín chỉ |                                                                                                                                       |
| Đại học song bằng                | 120 tín chỉ | 150 tín chỉ |                                                                                                                                       |

#### **Điều 14. Tổ chức xây dựng, ban hành chương trình đào tạo**

##### **1. Nhà trường ban hành**

Quy định cấu trúc chương trình đào tạo theo Điều 10 của Quy chế này.

Thẩm định, phê duyệt đề án mở ngành học mới của Chương trình đào tạo.

Quyết định ban hành các chương trình đào tạo của các đơn vị.

Thẩm định các điều kiện đảm bảo chất lượng và giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo cho Khoa theo chương trình đào tạo đã được ban hành.

##### **2. Khoa, Chương trình đào tạo**

Xây dựng, thẩm định chương trình đào tạo, đề án mở ngành học mới và trình Hiệu trưởng phê duyệt, ban hành.

Xây dựng, nghiệm thu đề cương các học phần thuộc đơn vị quản lý.

### **Chương III: TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

#### **Điều 15. Học kỳ**

Mỗi năm học có ba học kỳ.

Hai học kỳ chính (học kỳ 1 và 2) có 15 tuần học và 2 tuần kiểm tra kết thúc học phần.

Một học kỳ phụ (học kỳ 3) có ít nhất 6 tuần học và 1 tuần kiểm tra kết thúc học phần.

#### **Điều 16. Khóa học**

##### **1. Thời gian của khóa học**

Thời gian thiết kế của khóa học đào tạo chính quy ít nhất là 7 học kỳ chính đối với đào tạo cử nhân, ít nhất là 9 học kỳ chính đối với đào tạo kỹ sư, kiến trúc sư.

Thời gian thiết kế của khóa học đào tạo vừa làm vừa học không ngắn hơn so với khóa học đào tạo chính quy.

Thời gian tối đa hoàn thành khóa học bao gồm thời gian thiết kế của khóa học cộng với 4 học kỳ chính.

Thời gian thiết kế của khóa học đào tạo văn bằng thứ hai được quy định trên cơ sở khối lượng kiến thức đã được tích lũy và kết quả học tập được bảo lưu, nhưng không vượt quá thời gian thiết kế của chương trình đào tạo chính quy tương ứng.

Thời gian khóa học đồng thời hai chương trình đào tạo không vượt quá thời gian đào tạo tối đa của chương trình đào tạo thứ nhất.

## 2. Năm đào tạo

Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào số tín chỉ tích lũy (không tính các học phần ngoại ngữ, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh), sinh viên được xếp năm đào tạo như sau:

| Năm đào tạo  | Chương trình đào tạo chuẩn                 | Chương trình đào tạo chất lượng cao, chuẩn quốc tế |
|--------------|--------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| Năm thứ nhất | Khoảng 35 tín chỉ                          | Dưới 40 tín chỉ                                    |
| Năm thứ hai  | Từ tín chỉ thứ 36 - 70                     | Từ tín chỉ thứ 41 - 85                             |
| Năm thứ ba   | Từ tín chỉ thứ 71 - 105                    | Từ tín chỉ thứ 86 - 130                            |
| Năm thứ tư   | Từ tín chỉ thứ 106 - 120<br>hoặc 106 - 150 | Từ tín chỉ thứ 131 - 165                           |

## Điều 17. Kế hoạch đào tạo

1. Nhà trường ban hành kế hoạch năm học vào tháng 3 hàng năm.

2. Trên cơ sở kế hoạch năm học do Nhà trường ban hành, Phòng Đào tạo Đại học xây dựng thời khóa biểu, Phòng Đảm bảo chất lượng xây dựng kế hoạch kiểm tra kết thúc học phần để tổ chức đào tạo, kiểm tra đánh giá thống nhất trong toàn trường.

3. Đầu khóa học, Giám đốc chương trình đào tạo thông báo cho sinh viên:

Cam kết chất lượng giáo dục.

Chương trình đào tạo.

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Điều kiện đảm bảo chất lượng (đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, các phòng thí nghiệm, thư viện và hệ thống học liệu).

Thông tin về học phí, học bổng.

Quy chế đào tạo và các quy định liên quan tới học tập, rèn luyện, sinh hoạt của sinh viên.

4. Đầu năm học, Khoa, Chương trình đào tạo thông báo cho sinh viên kế hoạch học tập của năm học.

5. Chậm nhất 2 tuần trước khi học kỳ mới bắt đầu, Phòng Đào tạo đại học thông báo:

Thời khóa biểu của lớp học phân dự kiến giảng dạy trong học kỳ, gồm các thông tin: tên học phần, số tín chỉ, tên lớp học phần, giờ học, phòng học, số sinh viên tối thiểu, tối đa của lớp học phần, họ và tên giảng viên dạy học phần và các thông tin khác (nếu cần).

Thời gian và cách thức tổ chức đăng ký học phần theo thông báo cụ thể của Nhà trường ở từng học kỳ.

6. Tùy theo tình hình đăng ký học phần thực tế, Phòng Đào tạo đại học thông báo các học phần không thể tổ chức giảng dạy theo kế hoạch đã công bố sau khi hết hạn đăng ký học phần.

7. Chậm nhất là một tháng sau khi kết thúc học kỳ chính, các Khoa, Trung tâm, Viện nộp báo cáo tổng kết năm học cho Nhà trường.

### **Điều 18. Thời gian hoạt động giảng dạy và học tập**

Thời gian hoạt động giảng dạy và học tập của đơn vị đào tạo từ 07 giờ đến 21 giờ 15 hàng ngày, thống nhất trong toàn trường. Thời gian nghỉ giữa buổi là 20 phút.

### **Điều 19. Tổ chức lớp học**

#### **1. Lớp khóa học**

Lớp khóa học được tổ chức cho các sinh viên cùng một ngành học trong cùng một khóa học và ổn định từ đầu đến cuối mỗi khóa. Phụ trách lớp khóa học là cố vấn học tập. Đại diện lớp khóa học là Ban cán sự lớp.

Lớp khóa học được gọi tên theo ngành học và năm nhập học của sinh viên, có mã hiệu theo quy định của Nhà trường.

Sinh viên được phép nghỉ học tạm thời, khi trở lại học tiếp, được bố trí vào lớp khóa học phù hợp với khối lượng kiến thức đã tích lũy nhưng giữ nguyên mã sinh viên đã được cấp. Trường hợp sinh viên được bố trí vào lớp khóa học có những học phần trong chương trình đào tạo khác biệt so với chương trình đào tạo mà sinh viên đã theo học trước khi nghỉ học tạm thời, Hiệu trưởng quyết định cho sinh viên được bảo lưu hoặc phải học bổ sung những học phần thay thế.

#### **2. Lớp học phần**

Lớp học phần được tổ chức cho sinh viên học cùng một học phần trong cùng một học kỳ. Chương trình đào tạo phụ trách học phần có trách nhiệm thành lập và quản lý lớp học phần.

Tên lớp học phần được gọi theo mã học phần. Một học phần có nhiều lớp học phần, tên mỗi lớp sẽ là tên lớp học phần và bổ sung thêm số thứ tự lớp học phần.

Nhà trường quy định số lượng sinh viên tối thiểu và tối đa cho mỗi lớp học phần. Lớp học phần sẽ không được tổ chức nếu số sinh viên đăng ký ít hơn số lượng sinh

viên tối thiểu đã quy định; khi đó sinh viên phải đăng ký học phần khác nếu chưa đủ khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ.

## **Điều 20. Đăng ký khối lượng học tập**

1. Đầu mỗi năm học, Phòng Đào tạo đại học thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy để sinh viên đăng ký học cho từng học phần.

2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên trực tiếp đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ.

3. Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau (không bao gồm các học phần ngoại ngữ, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh, kỹ năng xã hội, tin học).

a) 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường.

b) 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.

c) Đối với học kỳ 3: không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên.

4. Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của những sinh viên xếp hạng học lực bình thường.

5. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

6. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để đăng ký các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó.

Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, sinh viên phải hoàn thành đăng ký các học phần theo thời gian quy định của Nhà trường.

### **7. Đăng ký học lại**

Đối với các học phần bị điểm dưới 5, sinh viên phải đăng ký học lại học phần đó.

Đối với học phần tự chọn có điều kiện, nếu bị điểm dưới 5, sinh viên đăng ký học lại học phần đó hoặc đăng ký học học phần tự chọn khác cùng khối kiến thức để thay thế. Khi đăng ký học lại, học phí được tính là lần 2.

• Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 7 của điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy. Điểm cuối cùng của học phần học cải thiện là điểm cao nhất trong các lần học. Khi đăng ký học cải thiện, học phí được tính như đóng lần 1.

### **8. Học phần được bảo lưu, học phần tương đương**

Các học phần có cùng nội dung, thời lượng mà sinh viên chuyển trường đến hoặc học văn bằng 2 sẽ được trường Đại học Thủ Dầu Một công nhận.

Các học phần khác, căn cứ chương trình đào tạo và nội dung đào tạo, Hiệu trưởng quyết định bảo lưu hoặc tương đương.

Điểm và số tín chỉ của các học phần được bảo lưu hoặc tương đương được công nhận và chuyển đổi để lập hồ sơ sinh viên trước khi bắt đầu thực hiện kế hoạch học tập theo chương trình đào tạo mới.

Thời gian được bảo lưu các học phần tương đương không quá 5 năm kể từ khi khóa học kết thúc.

#### **9. Kết quả đăng ký học phần**

Phòng Đào tạo Đại học thông báo kết quả đăng ký học phần cho sinh viên khi sinh viên đã hoàn thành việc đăng ký, đảm bảo khối lượng học tập tối thiểu của học kỳ quy định tại khoản 3 Điều này.

#### **Điều 21. Nghỉ học tạm thời**

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang.

b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế.

c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 23 của Quy chế này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 5,0. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 1 Điều 16 của Quy chế này.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất 15 ngày trước khi bắt đầu học kỳ mới.

#### **Điều 22. Rút bớt học phần đã đăng ký**

1. Trong quá trình học, sinh viên có nguyện vọng rút học phần, phải làm đơn theo mẫu gửi về Chương trình đào tạo và được chấp nhận sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính, sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ.

Sinh viên chỉ được phép không lên lớp đối với học phần xin rút bớt sau khi giảng viên phụ trách học phần nhận được thông báo của phòng Đào tạo đại học.

Học phần được rút sẽ không được hoàn trả học phí.

Khi đăng ký học ở học kỳ tiếp theo, học phần được rút sẽ tính như học phần học lần đầu. Điểm rút môn học được kí hiệu "RT" không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

Ngoài thời hạn trên học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm không (0).

2. Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký:

a) Sinh viên phải tự viết đơn gửi phòng Đào tạo đại học.

b) Được cố vấn học tập chấp thuận và Giám đốc chương trình đồng ý cho rút.

c) Không vi phạm khoản 3 Điều 20 của Quy chế này.

**Điều 23. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học**

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Việc cảnh báo kết quả học tập của sinh viên được dựa trên các điều kiện sau:

a) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 3 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 3,5 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 4 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 4,5 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khóa.

b) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 2 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 2,5 đối với các học kỳ tiếp theo.

c) Tổng số tín chỉ của các học phần bị điểm dưới 4 còn tồn đọng tính từ đầu khóa học đến thời điểm xét vượt quá 24 tín chỉ.

Sinh viên bị cảnh báo học vụ nếu thuộc 1 trong 3 diện nêu trên và số lần cảnh báo không vượt quá 2 lần liên tiếp.

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá giới hạn theo quy định khoản 1 điều này.

b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại khoản 1 điều 16 của Quy chế này.

c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo Quy định về việc tổ chức kiểm tra, đánh giá của nhà trường.

3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, trường có thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại trường sinh viên vừa theo học hoặc tại trường khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng, thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các điểm a, b khoản 2 của điều này được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ. Tùy trường hợp cụ thể, Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập của sinh viên.

**Điều 24. Đối tượng được miễn, tạm hoãn học các học phần giáo dục quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất**

• 1. Đối tượng được miễn học môn học GDQP&AN:

Sinh viên có giấy chứng nhận sĩ quan dự bị hoặc bằng tốt nghiệp do các trường quân đội, công an cấp.

Sinh viên đã có chứng chỉ GDQP&AN tương ứng với trình độ đào tạo.

Sinh viên là người nước ngoài.

Sinh viên hệ thường xuyên.

2. Đối tượng được miễn học, miễn thi một trong những học phần thuộc các nội dung trong chương trình GDQP&AN là những sinh viên có giấy xác nhận kết quả học tập các học phần đã học và đạt từ 5 điểm trở lên.

3. Đối tượng được miễn học các nội dung thực hành kỹ năng quân sự:

Sinh viên là người khuyết tật, có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật.

Sinh viên không đủ sức khỏe về thể lực hoặc mắc những bệnh lý thuộc diện miễn làm nghĩa vụ quân sự theo quy định hiện hành.

Sinh viên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an nhân dân.

4. Đối tượng được tạm hoãn học môn học GDQP&AN:

Sinh viên vì lý do sức khỏe phải dừng học trong thời gian dài để điều trị, phải có giấy xác nhận của bệnh viện nơi học sinh, sinh viên điều trị.

Sinh viên là nữ đang mang thai hoặc trong thời gian nghỉ chế độ thai sản theo quy định hiện hành.

5. Hiệu trưởng xem xét tạm hoãn học môn học GDQP&AN cho các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều này. Hết thời gian tạm hoãn, Trung tâm đào tạo kiến thức chung bố trí cho học sinh, sinh viên vào học các lớp phù hợp để hoàn thành chương trình.

### **Điều 25. Học cùng lúc hai chương trình**

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất.

b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất và sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu.

c) Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 5,0 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 1 Điều 16 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

## **Điều 26. Chuyển trường**

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập.

Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học.

Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến.

b) Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến.

c) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa.

d) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường.

b) Hiệu trưởng trường có sinh viên xin chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

## **Chương IV: KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM TRA KẾT THÚC HỌC PHẦN**

Công tác Kiểm tra đánh giá và kiểm tra kết thúc học phần được thực hiện theo Quy định về việc tổ chức kiểm tra, đánh giá của nhà trường.

## **Chương V: CÔNG NHẬN VÀ XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP**

### **Điều 27. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp**

1. Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại khoản 2 Điều 13 của Quy chế này.

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,0 trở lên.

d) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh; giáo dục thể chất.

e) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền làm Chủ tịch, Trưởng phòng đào tạo làm Thư ký và các thành viên là các Trưởng khoa chuyên môn, Trưởng phòng công tác sinh viên.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

**Điều 28. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo**

Sau khi được xét công nhận tốt nghiệp, sinh viên phải có các chứng chỉ Tin học, Ngoại ngữ, Kỹ năng xã hội và khởi nghiệp đáp ứng Quy định chuẩn đầu ra theo học chế tín chỉ do nhà trường quy định mới được cấp bằng tốt nghiệp.

1. Bằng tốt nghiệp được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành). Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học, như sau:

|                  |                                                 |
|------------------|-------------------------------------------------|
| Loại xuất sắc:   | Điểm trung bình chung tích lũy từ 9,0 đến 10    |
| Loại giỏi:       | Điểm trung bình chung tích lũy từ 8,0 đến 8,99  |
| Loại khá:        | Điểm trung bình chung tích lũy từ 6,25 đến 7,99 |
| Loại trung bình: | Điểm trung bình chung tích lũy từ 5,0 đến 6,24  |

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khóa loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có khối lượng của các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình.

b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm phải ghi chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 27 của Quy chế này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

5. Sinh viên còn nợ chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Quy chế này.

**Điều 29. Quyền hạn cấp bằng đại học**

Mẫu phôi bằng theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Tổ cấp phát văn bằng in, quản lý, cấp bằng đại học cho sinh viên.

Căn cứ vào quyết định công nhận tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký và đóng dấu của trường vào bằng tốt nghiệp đại học cho sinh viên.

**Chương VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 30. Tổ chức thực hiện**

Trường các đơn vị đào tạo trong toàn trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, Nhà trường thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy chế đào tạo của các đơn vị trực thuộc.

**Điều 31. Hiệu lực thi hành**

Quy chế này có hiệu lực áp dụng cho khóa học từ 2019 trở về sau.

Trong trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng nhà trường có thể quyết định sửa đổi, bổ sung một số quy định cho phù hợp với tình hình thực tế./.

K. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Ngô Hồng Diệp